

KẾ HOẠCH

Thực hiện chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh tỉnh Đồng Nai năm 2025 và 2026

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Kế thừa các kết quả đạt được của Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025; kết quả đạt được trong thực hiện các nhiệm vụ về công tác cải cách thủ tục hành chính được xác định là khâu đột phá trong cải cách hành chính của tỉnh tại Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2030; tiếp tục tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh đạt mục tiêu cụ thể như sau:

1. Mục tiêu năm 2025

a) Các sở, ban ngành tỉnh, các địa phương liên quan thực hiện phối hợp, tham mưu rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa; kiến nghị cơ quan cấp trên, các Bộ, ngành Trung ương, cơ quan có thẩm quyền xem xét cắt giảm, đơn giản hóa ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

b) 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ, quyết định phê duyệt của các Bộ, ngành Trung ương được triển khai thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ.

c) 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh theo chỉ đạo của Chính phủ, quyết định phê duyệt của các Bộ, ngành Trung ương.

d) Hoàn thành việc thực thi theo chỉ đạo của Chính phủ, quyết định phê duyệt của các Bộ, ngành Trung ương được triển khai 100% phương án về phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

đ) 100% thủ tục hành chính nội bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, thời gian giải quyết, chi phí thực hiện và sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với việc thực hiện tinh gọn, sắp xếp bộ máy, đồng thời bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

2. Mục tiêu năm 2026

a) Các sở, ban ngành tỉnh, các địa phương tiếp tục thực hiện phối hợp, tham mưu rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa; kiến nghị cơ quan cấp trên, các Bộ, ngành Trung ương, cơ quan có thẩm quyền xem xét cắt giảm, đơn giản hoá 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

b) Các sở, ban ngành tỉnh, các địa phương tiếp tục thực hiện phối hợp, tham mưu rà soát, đề xuất cơ quan cấp trên, các Bộ, ngành Trung ương, cơ quan có thẩm quyền xem xét cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024; 100% thủ tục hành chính quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng phải được công bố, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa; 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp được thực hiện điện tử.

c) 100% thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

d) 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

đ) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.

II. YÊU CẦU

1. Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; đổi mới quản trị hành chính công theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần bảo đảm mục tiêu tăng trưởng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, động lực, mục tiêu của sự phát triển; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh; bảo đảm yêu cầu 05 rõ của Chính phủ: “*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm*” để đánh giá, đo lường, kiểm tra, giám sát; tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

3. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính, gắn với phân bổ nguồn lực, đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành theo hướng “cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình

trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây nhiều, tiêu cực” góp phần giảm việc giải quyết thủ tục của các cơ quan trung ương; gắn kết chặt chẽ với ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ đổi mới toàn diện, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ, nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính.

5. Thực hiện đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn; kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được, tiếp thu kinh nghiệm được học tập từ các địa phương khác trong cả nước, kinh nghiệm từ quốc tế để vận dụng hiệu quả; huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, sự tham gia của các cấp, các ngành, chuyên gia, doanh nghiệp, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân.

III. NỘI DUNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

- *Các đơn vị ngành dọc trên địa bàn tỉnh:* Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - CN Đồng Nai, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chi cục Hải quan Khu vực XVIII - tỉnh Đồng Nai trực tiếp rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa, báo cáo cấp có thẩm quyền, Bộ quản lý chuyên ngành xem xét, phê duyệt.

- *Các sở, ban ngành tỉnh, các địa phương:* Phối hợp thực hiện rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương, cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

1. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

- Các sở, ban ngành tỉnh, các địa phương phối hợp thực hiện rà soát, tham mưu đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý. Đối với các quy định tại văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành tỉnh, các địa phương theo hướng hạn chế, không tham mưu ban hành các thủ tục hành chính đặc thù tại địa phương; cụ thể:

a) Tổng hợp, thống kê danh mục thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

+ Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tổng hợp, thống kê đầy đủ thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ của các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh (bao gồm thủ tục hành chính quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng).

+ Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tổng hợp, thống kê đầy đủ danh sách, chi phí tuân thủ các điều kiện đầu tư kinh doanh theo các hình thức: Giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, văn bản chấp thuận, và các điều kiện kinh doanh của các thủ tục hành chính để cấp các giấy tờ trên.

(Tổng hợp số lượng thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của các Sở, ban ngành tỉnh và địa phương tại Phụ lục kèm theo).

- Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 25 tháng 4 năm 2025.

b) Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên ứng dụng công nghệ, tái sử dụng dữ liệu

- Nhiệm vụ, giải pháp:

+ Rà soát, xây dựng phương án cắt giảm hoặc chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm hoặc đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ, tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hoá, lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên thông điện tử.

+ Rà soát cắt giảm hoặc chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; thống nhất một đầu mối kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa chịu sự kiểm tra của nhiều cơ quan, đơn vị.

+ Rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo của doanh nghiệp.

- Thời hạn hoàn thành: Các sở, ban ngành tỉnh tham mưu rà soát, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án thuộc thẩm quyền và chủ động rà soát, tham mưu thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trường hợp vượt thẩm quyền, đề xuất phương án đơn giản hóa; kiến nghị cơ quan cấp trên, các Bộ, ngành Trung ương, cơ quan có thẩm quyền để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án năm 2025 trước ngày 15 tháng 6 năm 2025 và phương án năm 2026 trước ngày 15 tháng 6 năm 2026.

c) Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy

- Nhiệm vụ, giải pháp:

+ Rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính giải quyết cùng một công việc cụ thể cho một cá nhân, tổ chức thực hiện trong một thời điểm hoặc giai đoạn và thuộc thẩm quyền giải quyết của một cơ quan, tổ chức trong trường hợp thực hiện hợp nhất, sáp nhập các sở, ban ngành và các cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc các đơn vị, địa phương.

+ Các địa phương theo thẩm quyền chủ trì, phối hợp, đề xuất với các sở, ban ngành tỉnh rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cấp huyện phù hợp với chủ trương, lộ trình không tổ chức cấp huyện trong sắp xếp tổ chức bộ máy theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 15 tháng 12 năm 2025.

d) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính

Các sở, ban ngành khẩn trương triển khai thực thi các phương án phân cấp thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, *trước ngày 30 tháng 9 năm 2025*; trường hợp phương án phân cấp không còn phù hợp với quy định mới của pháp luật về phân cấp, phân quyền, ủy quyền hoặc không còn phù hợp với tổ chức bộ máy chính quyền trung ương và địa phương sau khi sắp xếp, các sở, ban ngành tỉnh chủ trì, phối hợp các địa phương theo thẩm quyền thực hiện rà soát, tổng hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ *trước ngày 15 tháng 6 năm 2025*.

đ) Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

+ Rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đề xuất cơ quan có thẩm quyền cắt giảm hoặc sửa đổi điều kiện đầu tư kinh doanh mâu thuẫn, chồng chéo hoặc chung chung, không cụ thể, không rõ ràng, không thể định lượng.

+ Rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đề xuất cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư.

+ Rà soát, đánh giá, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đề xuất cơ quan có thẩm quyền phương án bãi bỏ hoặc thu hẹp phạm vi các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không đáp ứng được các quy định, tiêu chí của Luật Đầu tư.

+ Rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đề xuất cơ quan có thẩm quyền phương án bãi bỏ điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, không hợp pháp được áp dụng theo hình thức giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, văn bản chấp thuận; hoặc đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh không hợp lý theo hướng cắt giảm đối tượng tuân thủ, tần suất thực hiện, kéo dài hoặc bãi bỏ thời gian có hiệu lực của các giấy tờ trên,...

+ Rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đề xuất cơ quan có thẩm quyền công bố, bãi bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục hành chính quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng.

- *Thời hạn hoàn thành:*

Các sở, ban ngành tỉnh phối hợp các địa phương theo thẩm quyền tham mưu rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh đề xuất cơ quan có thẩm quyền phương án cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án *năm 2025 trước ngày 15 tháng 6 năm 2025 và phương án năm 2026 trước ngày 15 tháng 6 năm 2026*.

e) Chuyển giao một số hoạt động hoặc thủ tục cấp phép cho doanh nghiệp và các tổ chức xã hội đảm nhiệm

- *Nhiệm vụ, giải pháp:* Các sở, ban ngành tỉnh phối hợp các địa phương theo thẩm quyền được giao thực hiện rà soát, xây dựng phương án chuyển một số hoạt

động trước khi cấp phép (như: đào tạo, sát hạch, kiểm nghiệm, thử nghiệm,...) hoặc một số thủ tục cấp phép dựa trên kết quả đánh giá, thẩm định theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã được ban hành mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội tham gia cung cấp các dịch vụ công, giúp việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công được thuận lợi, dễ dàng, chất lượng và hiệu quả hơn.

- *Thời hạn hoàn thành:*

Các sở, ban ngành tỉnh phối hợp các địa phương theo thẩm quyền thực hiện rà soát đề xuất và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án *năm 2025 trước ngày 15 tháng 6 năm 2025 và phương án năm 2026 trước ngày 15 tháng 6 năm 2026.*

2. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ

a) Thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước

Các sở, ban ngành tỉnh phối hợp các địa phương theo thẩm quyền thực hiện rà soát, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi quản lý, cụ thể như sau:

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

+ Tổ chức rà soát, đề xuất theo thẩm quyền đối với các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được Bộ, cơ quan ngang bộ công bố, công khai, hoàn thành trước ngày 25 tháng 4 năm 2025.

+ Rà soát, đề xuất triển khai hoàn thành thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo đúng lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tiếp tục rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước, trong đó lưu ý phân cấp, phân quyền triệt để, toàn diện, nhất là đối với các thủ tục hành chính phải xin ý kiến hoặc báo cáo các cơ quan cấp trên đồng ý trước khi quyết định.

- *Thời hạn hoàn thành:*

Các sở, ban ngành tỉnh phối hợp các địa phương theo thẩm quyền thực hiện rà soát đề xuất và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án gửi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt phương án thuộc thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án *năm 2025 trước ngày 15 tháng 6 năm 2025 và phương án năm 2026 trước ngày 15 tháng 6 năm 2026.*

b) Thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước

Các sở, ban ngành tỉnh phối hợp các địa phương theo thẩm quyền thực hiện rà soát đề xuất, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết, cụ thể như sau:

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

+ Công bố, công khai đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước, *hoàn thành trước ngày 25 tháng 4 năm 2025.*

+ Khẩn trương hoàn thành thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo đúng lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tiếp tục rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa; tái cấu trúc quy trình các thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 137/2024/NĐ-CP; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, xây dựng mô hình cơ quan hành chính nhà nước số.

- *Thời hạn hoàn thành:* Các sở, ban ngành tỉnh phối hợp các địa phương theo thẩm quyền thực hiện rà soát đề xuất, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa *năm 2025 trước ngày 15 tháng 6 năm 2025 và năm 2026 trước ngày 15 tháng 6 năm 2026;* hoặc chủ động thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong xây dựng, ban hành văn bản có quy định về thủ tục hành chính nội bộ.

3. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính

a) **Đẩy mạnh cung cấp thủ tục hành chính trên môi trường điện tử**

Các sở, ban ngành tỉnh phối hợp các địa phương theo thẩm quyền thực hiện rà soát đề xuất, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh triển khai cung cấp thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc được cung cấp dịch vụ công trực tuyến thống nhất trên toàn quốc. Cụ thể như sau:

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

+ Các sở, ban ngành tỉnh phối hợp các địa phương theo thẩm quyền thực hiện tham mưu rà soát, tái cấu trúc quy trình, nâng cao chất lượng cung cấp thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên cơ sở tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hóa, sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

+ Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

+ Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu hoàn thiện, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, được đồng bộ, kết nối bảo đảm phát triển Cổng Dịch vụ công quốc gia trên Trung tâm dữ liệu quốc gia trở thành điểm “một cửa số” duy nhất, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến tập trung của quốc gia.

- *Thời hạn hoàn thành:*

Đối với thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp *hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025*; đối với các thủ tục hành chính còn lại theo lộ trình đến năm 2026.

b) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Tổ chức tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, cụ thể như sau:

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

+ Rà soát, đánh giá các điều kiện đảm bảo (hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin, nhân lực,...), tham mưu UBND tỉnh trong việc phối hợp các Bộ, ngành Trung ương và cơ quan có thẩm quyền xây dựng phương án sửa đổi các quy định yêu cầu người dân, doanh nghiệp phải đến thực hiện thủ tục hành chính tại nơi cư trú hoặc nơi đóng trụ sở hoặc nơi cấp kết quả giải quyết lần đầu để mở rộng thẩm quyền tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính hoặc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh, hoặc toàn quốc nhất là đối với những thủ tục hành chính có thời gian giải quyết trong ngày làm việc.

+ Các sở, ban ngành tỉnh phối hợp các địa phương theo thẩm quyền thực hiện rà soát, xây dựng quy trình nội bộ và quy trình điện tử thủ tục hành chính để đảm bảo tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh tại tất cả Bộ phận một cửa thuộc phạm vi cấp tỉnh. Tiếp tục điều chỉnh hoặc mở rộng quy trình nội bộ, quy trình điện tử để thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

+ Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh bảo đảm cho phép cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận một cửa bất kỳ được tiếp nhận, số hoá, chuyển hồ sơ điện tử và trả kết quả các thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh hoặc toàn quốc theo lộ trình.

+ Các đơn vị có liên quan tham mưu rà soát tình hình thực tế và năng lực của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích để thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một hoặc một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nhằm nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ hành chính công.

+ Triển khai tổ chức, hoàn thiện Bộ phận một cửa theo hướng thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi cấp tỉnh khi có chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ.

+ Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức; phát triển nhân lực số; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và xã hội.

- *Thời hạn hoàn thành:*

Hoàn thành thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh *trong năm 2025*.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước. Ưu tiên bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho thực hiện Kế hoạch.

2. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban ngành tỉnh, các địa phương:

a) Các sở, ban ngành tỉnh, các địa phương chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và đạt được mục tiêu của Kế hoạch theo thẩm quyền, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 – 2026; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Triển khai thực hiện ***Kế hoạch năm 2025 trong thời gian 10 ngày kể từ ngày Kế hoạch này được ban hành***; năm 2026, xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện trước ngày 31 tháng 01 năm 2026 (có thể lồng ghép trong Kế hoạch cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính) gửi Văn phòng UBND tỉnh để theo dõi. Ưu tiên bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho thực hiện Kế hoạch.

c) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, thủ tục hành chính tại các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng hình thức một văn bản sửa đổi nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh.

d) Tăng cường thực hiện công tác tuyên truyền cải cách hành chính, cải cách TTHC trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương và Trang Trang thông tin điện tử về Cải cách hành chính của tỉnh theo Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

đ) Định kỳ hằng tháng, quý, năm tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính (là một nội dung riêng trong báo cáo cáo tình hình, kết quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính), gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành tỉnh, các địa phương theo thẩm quyền, Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan liên quan kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các Văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền theo hướng hạn chế, không

tham mưu ban hành các thủ tục hành chính đặc thù tại địa phương; rà soát, đánh giá các quy định, thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình thẩm định chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của cấp tỉnh bảo đảm mục tiêu của Kế hoạch.

b) Thực hiện tiếp nhận, tổng hợp đề nghị của các Sở, ban ngành tỉnh, các địa phương theo thẩm quyền, trình UBND tỉnh về xây dựng Chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh.

c) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan nêu tại Mục III của Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính

a) Nghiên cứu, hướng dẫn các Sở, ban ngành tỉnh, các địa phương về việc ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

b) Cho ý kiến đối với phương án của các Sở, ban ngành tỉnh, các địa phương theo thẩm quyền hoặc đề xuất UBND tỉnh cắt giảm, đơn giản hóa các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu của Kế hoạch. Tổng hợp phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, doanh nghiệp về những khó khăn, vướng mắc, rào cản trong quy định và thực hiện thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, đề xuất giải pháp tháo gỡ, cải cách, báo cáo UBND tỉnh xem xét.

c) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan nêu tại Mục III của Kế hoạch này.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tham mưu xây dựng Kế hoạch thực hiện năm 2026, trước ngày 31 tháng 01 năm 2026 (lồng ghép trong Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính) trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt, gửi Văn phòng Chính phủ để theo dõi.

Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời tổng hợp các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất của các Sở, ban ngành tỉnh, các địa phương tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ (lồng ghép trong báo cáo định kỳ về công tác Kiểm soát thủ tục hành chính).

b) Thực hiện các nhiệm vụ được giao về rà soát công bố, cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; theo dõi, đôn đốc thực hiện các nội dung về Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị; thực hiện công khai theo định kỳ Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, Công Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; tổng hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ của các Sở, ban ngành, các địa phương.

c) Tổng hợp kết quả việc thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ; tham mưu Chủ tịch

UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hằng tháng, quý, năm hoặc đột xuất theo thời gian quy định của Văn phòng Chính phủ.

d) Phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu rà soát tình hình thực tế và năng lực của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích để thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một hoặc một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nhằm nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ hành chính công.

đ) Tham mưu triển khai tổ chức, hoàn thiện Bộ phận một cửa theo hướng thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi cấp tỉnh khi có chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ.

e) Phối hợp với các Sở, ban ngành, các địa phương và các cơ quan báo, đài thực hiện tuyên truyền về việc triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch này.

5. Sở Nội vụ

a) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan nêu tại Mục III của Kế hoạch này và tham gia ý kiến đối với các phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh có liên quan của các đơn vị, địa phương.

b) Triển khai theo dõi, kiểm tra và thực hiện công tác tuyên truyền cải cách hành chính trên Trang thông tin điện tử về Cải cách hành chính của tỉnh theo Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan nêu tại Mục III của Kế hoạch này và tham gia ý kiến đối với các phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh có liên quan của các đơn vị, địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu rà soát, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ hành chính công.

c) Chủ trì tham mưu hoàn thiện, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh được đồng bộ, kết nối bảo đảm cung cấp các dịch vụ công trực tuyến tập trung của quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ. Rà soát, đánh giá các điều kiện đảm bảo (hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin, nhân lực...) để mở rộng thẩm quyền tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính hoặc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

d) Chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức, phát triển nhân lực số; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và xã hội.

7. Cơ quan báo chí tỉnh Đồng Nai (Báo Đồng Nai; Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai)

a) Chủ động bố trí chuyên mục, kênh phát sóng, thời gian phát sóng chương trình thích hợp để thu hút được sự quan tâm theo dõi của nhiều đối tượng cần tuyên truyền trong công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính nói chung và các nội dung trọng tâm về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Xây dựng cập nhật chuyên mục, chuyên trang để tiếp nhận, phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về nội dung cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành, các địa phương.

c) Kịp thời tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu về các mô hình tốt, cách làm hay, các điển hình và sáng kiến có giá trị, hiệu quả về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có phát sinh vướng mắc các đơn vị, địa phương báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (thông qua Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTT);
- Bộ Nội vụ; Bộ KH&CN;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh; BHXH tỉnh;
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam - CN Đồng Nai;
- Chi cục Hải quan Khu vực XVIII - tỉnh Đồng Nai;
- Báo ĐN, Đài PT-TH; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, THNC, KTN, KTNS, NgV, QTTV, Ban TCD, HCTC, HCC.



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức



Phụ lục I
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH
LÊN QUẢN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ, NGÀNH
(Kèm theo Kế hoạch số: 133 /KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1

1. Tổng hợp số lượng về thủ tục hành chính
a) Số lượng về thủ tục hành chính

TT	Sở, ban ngành tỉnh	Tổng số TTHC UBND tỉnh công bố	TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh theo thống kê của tại Phụ lục Nghị Quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ				Nhiệm vụ	Kết quả
			TTHC theo lĩnh vực quản lý chuyên ngành	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
1	Ngành Công Thương	163	159	138	22	3	Các Sở, ban ngành tỉnh phối hợp các địa phương theo thẩm quyền thực hiện rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý thuộc quyền giải quyết đề xuất phương án đơn giản hóa	Báo cáo để xuất phương án đơn giản hóa trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt nghị Bộ, Trung ương phê
2	Ngành Giáo dục và Đào tạo	147	129	93	31	5		
3	Ngành Xây dựng	178	228	187	31	10		
4	Ngành Khoa học và Công nghệ	62	60	60	0	0		
5	Ngành Ngoại vụ (Văn phòng UBND tỉnh)	8	7	7	0	0		
6	Ngành Nội vụ	157	48	45	3	0		
7	Ngành Nông nghiệp và Môi trường	286	296	229	55	12		

TT	Số; ban ngành tỉnh	Tổng số TTHC UBND tỉnh công bố	TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh theo thống kê của tại Phụ lục Nghị Quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ					Kết quả
			TTHC theo lĩnh vực quản lý chuyên ngành	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nhiệm vụ	
8	Ngành Tài chính	155	716	379	331	6	trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt báo cáo cơ quan có thẩm quyền.	theo thẩm quyền quản lý chuyên ngành
9	Ngành Tư pháp	180	130	116	7	7		
10	Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	175	166	147	11	8		
11	Ngành Y tế	165	114	104	9	1		
12	Ngành Thanh tra	18	0	0	0	0		
13	Ngành Dân tộc và Tôn giáo	60	0	0	0	0		

(Danh sách chi tiết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính)

b) Số lượng về thủ tục hành chính nội bộ

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định công bố	Tổng số	Quyết định phê duyệt phương án		Các Quyết định bị thay thế	Kết quả
				Số Quyết định	TổngSố TTHC ĐCH		
1	Lĩnh vực Công tác Văn phòng	2990/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	27	3631/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	27		Tham mưu rà soát, đề xuất: - Phương án đơn giản hóa; - Phương án thực thi đơn giản hóa; - Quyết định công bố TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền quản lý chuyên ngành
		2050/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	2		0		
2	Lĩnh vực Ngoại vụ	3255/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	10	3256/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	10	573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	
3	Lĩnh vực Y tế	3253/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	32	3254/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	32	573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	
4	Lĩnh vực Tư pháp	3259/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	28	3260/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	28	573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 2050/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	
5	Lĩnh vực Công Thương	3522/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	17	3526/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	17	573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 1956/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	
6	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	3282/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	33	3283/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	33	573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 1494/QĐ-UBND ngày 21/02/2024	
		2057/QĐ-UBND ngày 11/7/2024	2	2776/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	2		
		4082/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	16	4083/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	16	Công bố sửa đổi, bổ sung	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định công bố	Tổng số	Quyết định phê duyệt phương án Đơn giản hóa		Các Quyết định bị thay thế	Kết quả
				Số Quyết định	Tổng Số TTHC ĐGH		
7	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	3622/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	58	3623/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	58	573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 1872/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	
8	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	3293/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	11	3294/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	11	326/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 1757/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	
9	Lĩnh vực Dân tộc	3792/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3	3793/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3	2611/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	
10	Lĩnh vực Nội vụ	3417/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 292/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	85 -1	3418/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	85	573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	
11	Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội	3284/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 3480/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	7 -2	3285/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	7	1956/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	
12	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	3405/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	36	3375/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	36	573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	
13	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3521/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	39	3523/QĐ-UBND ngày 23/11/2024	39	1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 1700/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	

STT	Tên đơn vị	Số Quyết định công bố	Tổng số	Quyết định phê duyệt phương án		Các Quyết định bị thay thế	Kết quả
				Đơn giản hóa	Tổng Số TTHC ĐGH		
14	Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	3607/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	44	3608/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	44	1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	
15	Lĩnh vực Giao thông Vận tải	3718/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	9	3719/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	9	Không có	
16	Lĩnh vực Xây dựng	3790/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	16	3791/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	16	573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	
		4031/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	14	4032/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	14	Công bố sửa đổi, bổ sung	
17	Lĩnh vực Tài chính	3794/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	26	3795/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	26	326/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	
		3933/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	2	3934/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	2	Công bố sửa đổi, bổ sung	
18	Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	3784/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	56	3827/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	56	573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	
19	Lĩnh vực Thanh tra	3444/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	18	3481/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	18	326/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	
						2198/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	
II. Tổng số:		26	588	23	589	11	

2. Tổng hợp số lượng về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

a) Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

234 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, gồm:

- 227 ngành, nghề quy định chi tiết tại Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2020;

- 01 ngành, nghề số thứ tự 192 Phụ lục IV Luật Đầu tư sửa đổi thành Kinh doanh dịch vụ phổ biến phim tại Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15;

- 01 ngành, nghề số thứ tự 132a (Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng – không bao gồm kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự) bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

- 01 ngành, nghề (Đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên) bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện năm 2022);

- Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư đối tác công tư và Luật Đấu thầu (Luật số 57/2024/QH15) bãi bỏ 01 ngành nghề số 11 (Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy);

- Bổ sung 06 ngành, nghề số thứ tự: 90a, 90b, 90c, 230, 231, 232 (90a. Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; 90b. Kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; 90c. Nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; 230. Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; 231. Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; 232. Kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu).

b) Điều kiện đầu tư kinh doanh

Bảng tổng hợp Ngành, nghề, Điều kiện đầu tư kinh doanh:

TT	Bộ, ngành	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo hình thức giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận (TTHC)	Điều kiện kinh doanh hoặc nhóm điều kiện kinh doanh	Số lượng phải phải cắt giảm theo mục năm 2025	Số lượng phải cắt giảm, đơn giản hóa theo mục tiêu năm 2026	Số, ban ngành	Nhiệm vụ, kết quả
1	Bộ Công Thương	24	220	560	168	392	Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành tỉnh phối hợp các địa phương theo thẩm quyền thực hiện rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền.
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	12	228	647	194	453	Sở Giáo dục và Đào tạo	
3	Bộ Xây dựng	44	188	457	137	320	Sở Xây dựng	
4	Bộ Khoa học và Công nghệ ¹	22	83	233	70	163	Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Bộ Ngoại giao	0	0	0	0	0	Văn phòng UBND tỉnh	
6	Bộ Nội vụ	6	55	92	28	64	Ngành Nội vụ	
7	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	49	179	441	132	309	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Bộ Tài chính	21	73	365	110	256	Sở Tài chính	
9	Bộ Tư pháp	6	62	73	22	51	Sở Tư pháp	
10	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	21	99	200	60	140	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
11	Bộ Y tế	7	195	583	175	408	Sở Y tế	
12	Thanh tra Chính phủ	0	0	0	0	0	Thanh tra tỉnh	
13	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	0	0	0	0	0	Sở Dân tộc và Tôn giáo	
Tổng số		236 ²	1.568	4.050	1.215	2.835		

3. Sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành

TT	Bộ, ngành	Số lượng sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành	Số TTHC kiểm tra chuyên ngành	Sở, ban ngành	Nhiệm vụ
1	Bộ Công Thương	9	8	Sở Công Thương	Phối hợp thực hiện rà soát, đề xuất đối với các nội dung thuộc thẩm quyền được giao khi có chỉ đạo, yêu cầu của Bộ quản lý chuyên ngành
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	0	Sở Giáo dục và Đào tạo	
3	Bộ Xây dựng	161	63	Sở Xây dựng	
4	Bộ Khoa học và Công nghệ	6	4	Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Bộ Ngoại giao	0	0	Văn phòng UBND tỉnh	
6	Bộ Nội vụ	19	01	Sở Nội vụ	
7	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	3074	32	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Bộ Tài chính	0	0	Sở Tài chính	
9	Bộ Tư pháp	0	0	Sở Tư pháp	
10	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	36	5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
11	Bộ Y tế	416	7	Sở Y tế	
12	Thanh tra Chính phủ	0	0	Thanh tra tỉnh	
13	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	0	0	Sở Dân tộc và Tôn giáo	
Tổng số		3.730	121		

¹ Bộ Khoa học và Công nghệ cùng quản lý với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về 02 ngành nghề: kinh doanh dịch vụ giám định sở hữu trí tuệ và kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ.

² Có 234 ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, trong đó có 02 ngành, nghề mà nhiều Bộ cùng quản lý.

4. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

TT	Bộ, ngành	Số lượng tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng quy chuẩn kỹ thuật	Sở, ban ngành	Nhiệm vụ
1	Bộ Công Thương	28	20	Sở Công Thương	Rà soát, đề xuất đối với các nội dung thuộc thẩm quyền được giao và phối hợp đề xuất theo yêu cầu, chỉ đạo của Bộ quản lý chuyên ngành
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	0	Sở Giáo dục và Đào tạo	
3	Bộ Xây dựng	156	144	Sở Xây dựng	
4	Bộ Khoa học và Công nghệ	7	125	Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Bộ Ngoại giao	0	0	Văn phòng UBND tỉnh	
6	Bộ Nội vụ	33	29	Sở Nội vụ	
7	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	0	282	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Bộ Tài chính	0	0	Sở Tài chính	
9	Bộ Tư pháp	0	0	Sở Tư pháp	
10	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4	8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
11	Bộ Y tế	9	46	Sở Y tế	
12	Thanh tra Chính phủ	0	0	Thanh tra tỉnh	
13	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	0	0	Sở Dân tộc và Tôn giáo	
Tổng số		241	695		

5. Chế độ báo cáo của doanh nghiệp

TT	Bộ, ngành	Số lượng chế độ báo cáo	Sở, ban ngành	Nhiệm vụ
1	Bộ Công Thương	179	Sở Công Thương	Rà soát, đơn giản hóa hoặc đề xuất phương án đơn giản hóa theo thẩm quyền được giao đối với Chế độ báo cáo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trình UBND tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương, cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	132	Sở Giáo dục và Đào tạo	
3	Bộ Xây dựng	69	Sở Xây dựng	
4	Bộ Khoa học và Công nghệ	38	Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Bộ Ngoại giao	0	Văn phòng UBND tỉnh	
6	Bộ Nội vụ	10	Sở Nội vụ	
7	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	31	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Bộ Tài chính	221	Sở Tài chính	
9	Bộ Tư pháp	5	Sở Tư pháp	
10	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	27	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
11	Bộ Y tế	22	Sở Y tế	
12	Thanh tra Chính phủ	0	Thanh tra tỉnh	
13	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	0	Sở Dân tộc và Tôn giáo	
Tổng số		774		



Phụ lục II
CÁC NHIỆM VỤ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 66/NQ-CP NGÀY 26 THÁNG 3 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Kế hoạch số: 133 /KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NHÓM NHIỆM VỤ THAM MƯU, HƯỚNG DẪN, THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐƠN ĐỌC

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp		
I. NHÓM NHIỆM VỤ HƯỚNG DẪN, THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐƠN ĐỌC					
01	Theo dõi, tiếp nhận gửi tài liệu hướng dẫn tổng hợp, thống kê, rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính nội bộ; tổ chức thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo lộ trình của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban ngành và địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã)	Tài liệu hướng dẫn (các bài giảng phục vụ cho tập huấn)	Theo lộ trình của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Trước ngày 04/4/2025)
02	Theo dõi, tổ chức triển khai, thông báo thời gian, hình thức tập huấn tổng hợp, thống kê, rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính nội bộ; tổ chức thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo lộ trình Cục Kiểm soát thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban ngành và địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã)	Hội nghị được Cục Kiểm soát thủ tục hành chính tổ chức tại địa phương	Theo lộ trình của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP Tập huấn cho các địa phương: Trước ngày 20/4/2025)
03	Theo dõi triển khai, đơn đốc thực hiện các nội dung nhiệm vụ theo Báo cáo đánh giá kết quả tổng hợp, thống kê, của Văn phòng Chính phủ về đánh giá kết quả tổng hợp, thống kê thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh (bao gồm cả tính	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban ngành và địa phương	Văn bản triển khai, đơn đốc thực hiện các nhiệm vụ theo Báo cáo của	Theo thời gian nhận được báo cáo của Văn

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp		
	toán thời gian giải quyết và chi phí tuân thủ) thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban ngành tỉnh và địa phương tỉnh Đồng Nai.			Văn phòng Chính phủ	phòng Chính phủ (Trước ngày 15/5/2025)
04	Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch này của UBND tỉnh tại một số Sở, ban ngành, địa phương (kết hợp với các cuộc kiểm tra của Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ).	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành và địa phương	Văn bản theo dõi, đôn đốc và các cuộc kiểm tra	Trước ngày 25/5/2025 và Thường xuyên
05	Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh hằng tháng, quý, năm hoặc đột xuất	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban ngành và địa phương	Báo cáo hằng tháng, quý, năm hoặc đột xuất	Thường xuyên
06	Công bố, công khai kết quả cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính của các Sở, ban, ngành tỉnh, địa phương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ban ngành và địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Thường xuyên theo thời gian quy định
07	Tuyên truyền về việc triển khai và kết quả thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh	Các Sở, ban ngành và địa phương	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Báo Đồng Nai; Đài PT&TH Đồng Nai	Tin, bài và các sản phẩm báo chí, truyền thông khác.	Thường xuyên
II. NHÓM NHIỆM VỤ RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH					
01	Rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, điều	Các Sở, ban ngành và địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Phương án đề xuất đơn giản hóa	Các Sở, ban ngành và địa phương đề xuất

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp		
	kiện kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban ngành tỉnh và địa phương				Trước ngày 15/6/2025
02	Dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án đề xuất, Kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban ngành và địa phương	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc văn bản chỉ đạo	Trước 30/6/2025
03	Thẩm tra dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để kiểm soát quy định thủ tục hành chính và việc thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền của các Sở, ban ngành và địa phương (nếu có) theo hướng theo hướng hạn chế, không tham mưu ban hành các thủ tục hành chính đặc thù tại địa phương	Các Sở, ban ngành và địa phương	Sở Tư pháp	Văn bản ý kiến hoặc báo cáo	Thường xuyên
04	Tiếp nhận, tổng hợp phản ánh, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân về khó khăn, vướng mắc, rào cản trong quy định và thực hiện thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh, báo cáo cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý.	Các Sở, ban ngành và địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Văn bản xử lý phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân hoặc văn bản kiến nghị	Thường xuyên
05	Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xử lý các báo cáo, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về vướng mắc, khó khăn liên quan đến thủ tục hành chính là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh	Các Sở, ban ngành và địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Văn bản chỉ đạo hoặc các cuộc họp chuyên đề	Thường xuyên

III. NHÓM NHIỆM VỤ RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH TỈNH

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp		
01	Rà soát đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của các sở, ban ngành tỉnh	Các Sở, ban ngành và địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Tờ trình phương án đơn giản hóa	Trước ngày 15/6/2025
02	Rà soát, thẩm định, dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của các sở, ban ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban ngành và địa phương	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Trước ngày 30/6/2025
03	Thẩm tra dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để kiểm soát quy định thủ tục hành chính nội bộ và việc thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ (nếu có)	Các Sở, ban ngành và địa phương	Sở Tư pháp	Văn bản ý kiến hoặc báo cáo	Thường xuyên
IV. NHÓM NHIỆM VỤ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRONG PHẠM VI CẤP TỈNH					
01	Rà soát, đề xuất phương án, giải pháp sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Các Sở, ban ngành và địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	Văn bản đề xuất	Trước ngày 15/12/2025
02	Rà soát, đề xuất kiến nghị và trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành và địa phương	Văn bản kiến nghị, đề xuất sửa đổi các quy phạm pháp luật	Trước ngày 30/6/2026

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp		
03	Phối hợp cơ quan có thẩm quyền thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Công Dịch vụ công quốc gia với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành và địa phương	Các hệ thống, cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ; số lượng hồ sơ tái sử dụng dữ liệu tăng.	Thường xuyên

B. NHÓM NHIỆM VỤ THÔNG KÊ, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THỰC HIỆN TẠI VĂN PHÒNG UBND TỈNH

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp		
01	Thông kê, công bố thủ tục hành chính nội giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng UBND tỉnh, công khai thủ tục hành chính nội bộ lên Cổng thông tin điện tử tỉnh	Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Cổng thông tin điện tử tỉnh.	Quyết định công bố và cập nhật dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính	Trước ngày 25/4/2025
02	Tiếp tục rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng UBND tỉnh đã được công bố tại Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 và Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Trước ngày 25/4/2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Chủ trì	Phối hợp		
04	Tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm vụ chính công tỉnh	Các phòng chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Trước ngày 30/4/2025
05	Tổ chức thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng UBND tỉnh	Các phòng chuyên môn trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định phê duyệt hoặc văn bản triển khai thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Theo lộ trình được phê duyệt